VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG
nhìn từ góc độ bảo tồn di sản văn hoá

QUANG MINH*
NGUYỄN THỊ THU TRANG **

1- Đôi điều nhận thức về vai trò của cộng đồng

Di sản văn hóa là tài sản văn hóa do các thế hệ trước truyền lại cho các thế hệ tiếp nối, "là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa"[1]. Do đó, di sản văn hóa cần được tiếp cận ở các góc độ sau:

- Cấp độ cá nhân, với tư cách là chủ thể sáng tạo, trình diễn, giảng dạy, chuyển giao và bảo vệ di sản văn hóa.

- Cấp độ gia đình, là tế bào cơ bản của xã hội, nơi có ảnh hưởng trực tiếp nhất tới việc hình thành nhân cách của cá nhân, là môi trường bảo tồn gen di truyền văn hóa chuyển giao di sản văn hóa giữa các thế hệ.

- Cộng đồng làng xã, là không gian sáng tạo, giữ gìn và phát huy di sản văn hóa vật thể, không gian thực hành, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể.

- Cộng đồng ở cấp độ quốc gia dân tộc với chức năng đưa ra các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật và tổ chức các thiết chế văn hóa làm công cụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Cộng đồng quốc tế mà đại diện là các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ với chức năng đưa ra các công ước, khuyến nghị và thiết lập quỹ di sản văn hóa thế giới.

Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cần phải đổi mới theo xu hướng phát triển chung là:

- Tôn trọng và thân thiện với môi trường thiên nhiên cũng như môi trường xã hội và bao trùm tất cả là môi trường sinh thái - nhân văn, trong đó, di sản văn hóa là một hợp phần quan trọng.

- Tôn vinh văn hóa với tư cách là động lực đồng thời là mục tiêu của phát triển, là cơ sở đảm bảo cho cộng đồng quốc tế phát triển trong đa dạng.

- Tôn trọng và vinh danh các cá nhân, cộng đồng cư dân địa phương với tư cách là chủ thể sáng tạo và là chủ sở hữu di sản văn hóa.

Trong Công ước bảo vệ đa dạng văn hóa năm 2003, UNESCO đã khẳng định vai trò quan trọng của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hóa: "không có văn hóa nếu không có người dân và cộng đồng". Đồng thời, UNESCO cũng đánh giá cao sự tham gia tích cực và những tri thức sâu sắc về di sản của người dân trong việc thực hành, truyền dạy và bảo vệ di sản văn hóa, coi đó là nguồn lực quan trọng nhất có tính quyết định trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa.

Các nhà khoa học quan niệm, cộng đồng là một thực thể xã hội có cơ cấu tổ chức của những người tự nguyện cùng chia sẻ lợi ích chung và bị ràng buộc bởi các đặc điểm về không gian sinh tồn và các điều kiện lịch sử cụ thể, được thiết lập thông qua tương tác và trao

* Hội Di sản văn hóa; ** Cục Di sản văn hoá

đổi giữa các thành viên trong suốt quá trình cộng sinh và phát triển. Các yếu tố ràng buộc và liên kết các thành viên cộng đồng có thể là: môi trường sinh thái - nhân văn nơi cộng đồng cư trú lâu dài, lợi ích kinh tế cũng như sinh kế, huyết thống và mối quan tâm chung...

Do cùng cư trú lâu dài trong một không gian sinh tồn, lại cùng chịu tác động từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, chịu ảnh hưởng từ các điều kiện văn hóa và lịch sử cụ thể mà văn hóa cộng đồng dần hình thành. Có thể coi văn hóa cộng đồng "là văn hóa ứng xử của cộng đồng, là phương thức và nguyên tắc ứng xử của một cộng đồng trong môi trường, không gian và thời gian lịch sử nhất định"[2]. Còn văn hóa, theo cố Giáo sư Trần Quốc Vượng, là thái độ ứng xử văn hóa của con người với thiên nhiên, với cộng đồng, với chính bản thân mình và với thần linh. Như vậy, văn hóa luôn là nhân tố gắn kết cá nhân từng con người với cả cộng đồng, trong đó, con người là một thành viên tích cực. "Con người là chủ thể của văn hóa bởi vì văn hóa đã và đang được tạo nên bởi con người. Con người cũng là đối tượng của văn hóa vì trạng thái văn hóa hình thành nên tính cách cá nhân"[3]. Từ đó có thể nói, con người chính là tế bào hạt nhân trong chuỗi liên kết văn hóa, như cố Giáo sư Trần Quốc Vượng khẳng định: "cá nhân - gia đình - họ hàng - làng xóm - vùng miền - đất nước"[4].

Bàn về vai trò của cộng đồng trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, chúng ta không thể bỏ qua khái niệm dòng họ và văn hóa dòng họ. Dòng họ là cộng đồng ở cấp độ vi mô hơn, là "một thực thể xã hội mang tính phổ quát của loài người. Nó hình thành trên cơ sở quan hệ huyết thống của một quần thể người nhất định, thể hiện qua ý niệm về dòng dõi từ một ông tổ chung. Do vậy, dòng họ là một thực thể vừa mang tính sinh học, vừa mang tính xã hội. Nó xuất hiện rất sớm trong xã hội loài người, trở thành một nguyên lý cố kết giữa các con người sớm nhất, rồi biến đổi qua các thời đại và tồn tại cho đến ngày nay"[5].

Lâu nay, chúng ta chỉ quan tâm chủ yếu tới văn hóa cộng đồng ở cấp độ làng xã, mà bỏ qua một tiểu hệ thống văn hóa chứa đựng các mặt giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần cũng như tâm linh do các dòng họ sản sinh ra trong quá trình hình thành và phát triển dựa trên 3 nguyên lý cơ bản là: tính cố kết dòng họ theo huyết thống, sự trao truyền và nhập thân văn hóa và cuối cùng là hành vi ứng xử của từng thành viên trong gia đình và dòng họ đối với cộng đồng chung. Đặc biệt, cần nhấn mạnh giá trị văn hóa phi vật thể của dòng họ đóng góp làm giàu kho tàng di sản văn hóa dân tộc:

- Ý thức về cội nguồn, tổ tiên dòng họ;
- Ý thức tôn vinh, đền đáp công ơn của các danh nhân tiêu biểu của dòng họ - làng - nước;
- Tạo nên sắc thái văn hóa địa phương, vùng miền, góp phần vào sự đa dạng văn hóa của đất nước;

Sự hưng thịnh của một dòng họ tạo tiền đề phát triển và đưa lại danh tiếng cho làng xã. Ngược lại, sự phát triển của làng xã là điều kiện cho các thế hệ kế tiếp của dòng họ được duy trì và có vai trò kích thích sự phát triển nhân tài của các dòng họ khác trong cùng một cộng đồng. Văn hóa dòng họ là tiểu hệ thống làm nên diện mạo văn hóa làng xã, văn hóa làng xã góp phần tạo ra sắc thái văn hóa địa phương và vùng miền. Đến lượt mình, văn hóa vùng miền với tư cách là một thành tố văn hóa quan trọng, lại trở thành một hợp phần quan trọng trong sự đa dạng văn hóa của quốc gia, dân tộc. Đó chính là con đường và cơ chế vận hành cho quá trình phát triển của mạng lưới các thành tố văn hóa - cái làm nên bản sắc văn hóa dân tộc mà biểu hiện cụ thể, dễ nhận biết nhất là di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

Rõ ràng, chủ thể văn hóa ở đây là các cá nhân - thành viên và cộng đồng/nhóm các cá nhân cùng một lúc thực hiện nhiều chức năng khác nhau:

- Chủ thể sáng tạo văn hóa/các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể;
- Chủ sở hữu đối với di sản văn hóa của cộng đồng;
- Người nắm giữ, thực hành/trình diễn, truyền dạy di sản văn hóa/tri thức bản địa về di sản văn hóa, bí quyết nghề nghiệp;
- Người thụ hưởng các giá trị văn hóa do mình sáng tạo ra hoặc thông qua giao lưu văn hóa với các cộng đồng khác.
- Nguồn lực quan trọng có vai trò to lớn trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của cộng đồng và của quốc gia dân tộc.

Để hiểu rõ hơn vai trò của cộng đồng, chúng ta cần thay đổi phương thức tiếp cận từ truyền thống sang hiện đại cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã hội. Trong quá khứ, yếu tố huyết thống/cội nguồn dòng giống tổ tiên và nơi cư trú/không gian sinh tồn có vai trò hàng đầu trong việc gắn kết cộng đồng. Còn ngày nay, yếu tố lợi ích và sự quan tâm chung là yếu tố quyết định sự bền chặt của cộng đồng. Khi xưa, lợi ích cá nhân phải phục tùng/đặt dưới lợi ích cộng đồng, còn ngày nay, vai trò các cá nhân ngày càng được khẳng định và có sự độc lập tương đối so với cộng đồng. Cho nên, sự bền vững của cộng đồng chủ yếu phụ thuộc vào khả năng thiết lập sự cân bằng giữa lợi ích của cá nhân, lợi ích các nhóm xã hội và lợi ích cộng đồng. Thực tế cho thấy, đạo đức và thể chế pháp quyền cần được song hành, trong đó thể chế pháp quyền cần phải đủ mạnh để làm trọng tài phân xử lợi ích riêng của cá nhân và lợi ích chung của cộng đồng, lợi ích của các nhóm xã hội, nhóm giai cấp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc. Đó cũng là lý do mà cộng đồng quốc tế quan tâm và đặt nặng vấn đề quyền con người hay "nhân quyền".

Quyền con người là quyền được tự do mưu cầu hạnh phúc, được làm mọi thứ có lợi cho bản thân mình mà không tổn hại đến các cá nhân khác và xã hội. Đó là những đòi hỏi chính đáng về tự do và những nhu cầu cuộc sống cơ bản cần được đáp ứng từ phía cộng đồng và Nhà nước, quyền con người là những giá trị cao cả cần được tôn trọng và tuân thủ trong tất các các quốc gia và trong suốt quá trình tồn tại của nhân loại. Quyền con người mang tính phổ biến (bẩm sinh vốn có), không phân biệt quốc tịch, nơi cư trú, giới tính, nguồn gốc quốc gia hay dân tộc, màu da, tôn giáo, ngôn ngữ hay bất cứ sự phân biệt nào khác, nó tồn tại cơ bản dựa trên nguyên tắc tự do và bình đẳng, nó được bảo vệ bằng luật pháp quốc gia và các thoả thuận pháp lý quốc tế.

Trong khái niệm quyền con người còn bao hàm cả quyền văn hóa mà 3 yếu tố trụ cột là:

- Quyền tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản văn hóa mà các thế hệ tiền bối trao truyền lại.

- Quyền thực hành, trình diễn, truyền dạy về di sản, quyền nhận diện, lựa chọn đối tượng ưu tiên và tham gia quyết định các giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Quyền sáng tạo các giá trị văn hóa mới làm giàu kho tàng di sản văn hóa của quốc gia và của nhân loại.

Có thể hiểu khái niệm cộng đồng hiện đại bao gồm các yếu tố sau:

- Cộng đồng cư dân địa phương nơi có di sản văn hóa;

- Các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa;

- Các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan tới văn hóa và di sản văn hóa;

- Các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, đặc biệt là các công ty lữ hành du lịch;

- Khách tham quan trong nước và quốc tế;

Cuối cùng, cộng đồng hiện đại còn được phân nhóm theo: nghề nghiệp, sở thích, đức tin (tôn giáo), đoàn thể xã hội (công đoàn, Mặt trận Tổ quốc), tổ chức xã hội - nghề nghiệp (hội Di sản văn hóa)...

Từ những phân tích ở trên, ta thấy, cá nhân và cộng đồng có vai trò rất to lớn trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Để phát huy tối đa nguồn lực xã hội quan trọng đó, chúng ta cần quán triệt quan điểm cơ bản là: tự nguyện, đồng thuận, tự do, bình đẳng và cùng có lợi.

2- Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phải gắn với phát triển bền vững, đặc biệt là phải phục vụ yêu cầu phát triển cộng đồng

Chúng ta hiểu một cách tổng quát, phát triển bền vững là "khả năng phát triển liên tục và lâu dài mà không làm tổn hại tới môi trường tự nhiên và môi trường xã hội". Có nghĩa là, song song với phát triển kinh tế, rất cần quan tâm tới việc duy trì, tái tạo, bảo vệ và phát huy cùng một lúc hai loại tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên văn hóa.

Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển còn được hiểu là, bảo tồn không được cản trở phát triển, ngược lại còn phải phục vụ đắc lực cho phát triển bền vững. Và văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng hoàn toàn có khả năng đóng góp cho sự phát triển bền vững ở các khía cạnh:

- Giáo dục, hình thành nhân cách, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho phát

triển.

- Tạo lập và duy trì môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh làm cơ sở vững chắc cho phát triển.

- Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa/tiềm năng du lịch quan trọng của đất nước.

Nói đến bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững cũng tức là phải đề cập đến vấn đề phát triển của cộng đồng. Bởi vì suy cho cùng, mục tiêu của phát triển bao giờ cũng hướng tới con người, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, đó là: phát triển năng lực của con người, cải thiện chất lượng sống của con người, thiết lập và củng cố các thiết chế văn hóa - xã hội có lợi nhất cho con người, tạo sự tham gia bình đẳng cho tất cả các cá nhân trong xã hội.

- Phát triển cộng đồng nhất thiết phải dựa trên những nguyên tắc hoạt động cơ bản dưới đây:

- Phát huy năng lực của cá nhân.

- Tạo lập sự công bằng cho tất cả các lĩnh vực hoạt động, các khu vực kinh tế nhà nước và tư nhân.

- Phát huy dân chủ, tôn trọng quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm của cộng đồng.

- Không áp đặt chủ quan, duy ý chí từ trên xuống, ngược lại tôn trọng sáng kiến từ dưới lên.

- Có cơ chế chính sách ưu tiên cho vùng sâu vùng xa, người nghèo và chịu thiệt thòi về mức độ hưởng thụ văn hóa.

Vai trò của cộng đồng chỉ có thể phát huy tối đa trong trường hợp chúng ta tạo dựng và duy trì được sự đồng thuận cao nhất trong cộng đồng ở các khía cạnh sau:

- Đồng thuận trong nhận thức về sứ mạng và vai trò quan trọng của cộng đồng, về mục tiêu và chiến lược phát triển hướng tới con người, hướng tới cộng đồng.

- Đồng thuận về việc chia sẻ lợi ích trong việc đương đầu với khó khăn, thách thức, trong đó quan trọng nhất là xử lý hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, giữa lợi ích bộ phận/lợi ích nhóm với lợi ích toàn thể/cộng đồng lớn. Không được để lợi ích nhóm lấn át, làm ảnh hưởng nguy hại tới lợi ích quốc gia dân tộc.

- Đồng tâm, hợp lực thực hiện các chủ trương chính sách, quy định pháp luật đảm bảo các mục tiêu, chiến lược phát triển của cộng đồng.

- Đồng thuận về cơ chế phân phối, chia sẻ, huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực xã hội phục vụ cho việc tu bổ, tôn tạo di tích.

- Cùng nhau vun đắp, giữ gìn hình ảnh, uy tín, danh dự của cộng đồng.

- Quan trọng hơn cả là phải nỗ lực xây dựng, giáo dục tình cảm gắn kết cộng đồng, góp phần củng cố định hướng giá trị văn hóa chung của cả cộng đồng cư dân đại phương cũng như ý thức độc lập tự chủ và tinh thần dân tộc trong đối ngoại và giao lưu văn hóa.

Phát triển cộng đồng được hiểu là những quá trình tự thân vận động, trong đó sự nỗ lực một cách tích cực, chủ động và tự giác của cộng đồng kết hợp với sự hỗ trợ có hiệu quả từ phía Nhà nước, giúp cộng đồng nhận thức sâu sắc những vấn đề hiện tại của chính họ, phát huy tốt tiềm năng sẵn có và nguồn lực nội sinh, tổ chức các hoạt động tương trợ lẫn nhau để tự phát triển, nhằm cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng, qua đó để đóng góp cho sự phát triển chung của quốc gia.

Với nhận thức như trên, ngoài sự tự thân vận động của cộng đồng, các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa có trách nhiệm tạo lập hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách, xây dựng quy hoạch và kế hoạch cũng như các dự án liên quan tới hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhà nước có thể tạo điều kiện để các nhà khoa học hướng dẫn về nghiệp vụ bảo tồn di tích hoặc thực hiện các chương trình "giáo dục di sản" nhằm mục tiêu tuyên truyền, phổ biến kiến thức về di sản và hiểu biết về *Luật di sản văn hóa* giúp cho cộng đồng nhận diện sâu sắc hơn nữa về giá trị di sản văn hóa mà mình đang nắm giữ. Từ đó thay đổi hành vi và xác định thái độ ứng xử cho đúng quy định pháp luật có liên quan đến di sản văn hóa. Trường hợp vi phạm các quy định tại điều 33 và điều 34 *Luật di sản văn hóa* trong quá trình tu bổ hai hạng mục Gác khánh và Nhà tổ ở chùa Trăm Gian mà báo chí và dư luận xã hội ồn ào trong thời gian gần đây là một bài học đắt giá vì cộng đồng chưa hiểu rõ hoặc nhận thức sai lệch về các yêu cầu và nguyên tắc khoa học trong công tác trùng tu,

tôn tạo các di tích lịch sử và văn hóa. Cũng có thể còn do nguyên nhân khác là các cơ quan văn hóa chưa thông tin đầy đủ cho cộng đồng biết về nội dung cụ thể trong dự án tổng thể tu bổ chùa Trăm Gian đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cả lý do chậm trễ trong khâu thực hiện dự án.

Chương trình Mục tiêu quốc gia về chống xuống cấp và tôn tạo di tích lịch sử và văn hóa mà Chính phủ quyết định cho triển khai gần hai chục năm qua đã góp phần thúc đẩy phát triển cộng đồng ở các mặt sau:

- Nhà nước và nhân dân đã có nhiều nỗ lực trong việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử và văn hóa. Qua đó, hàng ngàn di tích đã được bảo tồn và tìm được vị trí xứng đáng của mình trong đời sống cộng đồng.

- Các di tích sau khi được bảo quản, tu bổ theo đúng các nguyên tắc khoa học đã trở thành tài nguyên du lịch cũng như các sản phẩm du lịch hấp dẫn, có khả năng đem lại nguồn lợi kinh tế lớn cho đất nước.

- Quan trọng nhất là, các di tích được bảo tồn đã góp phần duy trì tính liên tục, không bị đứt gãy của truyền thống văn hóa dân tộc, biến di sản văn hóa và các giá trị truyền thống thành "điểm tựa tinh thần" của cả dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ trong Chương trình Mục tiêu quốc gia chỉ là yếu tố "kích thích", "chất xúc tác" mạnh mẽ cho việc thực hiện chủ trương xã hội hóa và huy động nguồn lực của cộng đồng cho sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa.

Việc dựng lại gần như hoàn chỉnh đền Đô thờ Lý Bát Đế ở Đình Bảng, Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là ví dụ điển hình về khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng cho việc bảo vệ và phát huy di tích. Trước lúc xếp hạng, đền Đô chỉ là bãi đất trống/địa điểm lịch sử với yếu tố gốc duy nhất còn lại là tấm bia "Cổ pháp Điện Tạo Bi" dựng năm Hoằng Định thứ 5 thời vua Lê Kính Tông và chúa Trịnh Tùng (1604). Bằng phương thức xã hội hóa huy động nguồn lực của cộng đồng cư dân địa phương là chủ yếu, Nhà nước chỉ hỗ trợ phần kinh phí rất hạn chế, nhưng ngày nay, ở đền Đô đang hiện diện tòa ngang dãy dọc hoành tráng và tương đối hoàn chỉnh của một không gian văn hóa thiêng liêng và điểm đến du lịch hấp dẫn, góp phần tôn vinh và khắc ghi hình ảnh của 8 vị vua triều Lý vào tâm trí người dân đất Việt.

Thực tiễn chỉ ra rằng, Nhà nước không nên

Hội Gióng - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

làm thay cộng đồng và cũng không được khoán trắng cho cộng đồng. Muốn thực hiện xã hội hóa, muốn phát huy vai trò của cộng đồng, Nhà nước cần tăng cường đầu tư và luôn có biện pháp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về văn hóa để hướng cộng đồng vào những mục tiêu chiến lược đã đặt ra trong từng giai đoạn phát triển.

Khái niệm phát triển cộng đồng luôn đi cùng yêu cầu phát triển du lịch cộng đồng, bởi vì chỉ có du lịch cộng đồng mới có khả năng đạt được mục tiêu kép là: Bảo tồn và chuyển giao di sản văn hóa dưới dạng nguyên gốc cho các thế hệ tương lai và phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ nhu cầu tinh thần của cộng đồng gắn với phát triển du lịch bền vững. Du lịch cộng đồng là "hoạt động tương hỗ giữa các đối tác có liên quan, nhằm mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng cư dân địa phương, bảo tồn môi trường thiên nhiên và di sản văn hóa, đồng thời mang đến cho du khách trải nghiệm mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương"[6]. Các nhà nghiên cứu cũng đã khái quát được một số nét đặc trưng cơ bản của hình thức du lịch cộng đồng như sau:

- Tạo cơ hội cho nhiều đối tác cùng tham gia (cư dân bản địa, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, công ty lữ hành kinh doanh du lịch, các tổ chức phi chính phủ, khách du lịch ...)

- Người dân địa phương được khuyến khích tham gia, có quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm thực thi và điều hành các dự án du lịch cộng đồng.

- Người dân địa phương được đào tạo và hướng dẫn các kỹ năng bảo tồn, tu bổ di tích, phương thức quản lý các dự án du lịch vừa và nhỏ, xây dựng các sản phẩm du lịch từ truyền thống văn hóa bản địa.

- Cộng đồng cư dân địa phương và các đối tác liên quan và cả du khách, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên văn hóa và thiên nhiên/tiềm năng du lịch đặc sắc của địa phương.

- Các thế hệ cộng đồng cư dân địa phương được tạo sinh kế/công ăn việc làm và lợi ích kinh tế từ hoạt động du lịch.

- Điều quan trọng hơn cả là, trong du lịch cộng đồng, chúng ta có khả năng lồng ghép giá trị di sản văn hóa vào sản phẩm du lịch, làm cho sản phẩm và dịch vụ du lịch mang sắc thái văn hóa địa phương và phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội của địa phương cũng như hạn chế tối đa các nhân tố gây áp lực tới môi trường và di sản văn hóa.

Tóm lại, du lịch cộng đồng là loại hình du lịch thích hợp nhất, thỏa mãn các mục tiêu và yêu cầu phát triển cộng đồng. Phát triển cộng đồng là một trong những phương thức hiệu quả nhất để huy động nguồn lực xã hội và phát huy vai trò của cộng đồng nhằm thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa./.

Q.M - N.T.T.T

Chú thích:

1- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành TƯ khóa VIII*,1998, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 63.

2- Phạm Tung, "Bàn về văn hóa cộng đồng", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 26/2010, tr. 124.

3- Klaus.P.Hasen, "Văn hóa và Văn hóa học", *Thông báo Khoa học của Viện Văn hóa - Nghệ thuật*, số 19, tr. 11.

4- GS. Trần Quốc Vượng, *Văn hóa Việt Nam, Tìm tòi và suy ngẫm*, 2000, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 472.

5- Nhiều tác giả, *Văn hóa dòng họ ở Nghệ An*, Nxb. Nghệ An, Vinh, tr. 46.

6- www.panda.org/greatermekong

Quang Minh - Nguyễn Thị Thu Trang: *The Roles of Community from the Perspectives of Cultural Heritage Safeguarding*

Community has played very important roles in the creativeness, preservation and promotion of cultural heritage values. Community is the owners, practitioners, disseminators of cultural heritage. They are also the beneficians of these cultural heritage created by themselves.

The paper has identified in detail the concept of community in different levels: nation, region, commune, kinship and group. Since it puts forward some state management solutions to strengthen the role of community in cultural activities.